

# Bài 6: Thuế giá trị gia tăng

**GV Trần Quang Vũ**

# **Nội dung bài giảng**

1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế GTGT
2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế & người nộp thuế
3. Giá tính thuế GTGT
4. Thuế suất thuế GTGT
5. Phương pháp tính thuế GTGT
6. Kê khai, nộp thuế & hoàn thuế

# **Khái niệm thuế giá trị gia tăng**

# Khái niệm thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.



Quá trình sản xuất  
1.000.000 đồng



Lưu thông  
1.200.000 đồng



Tiêu dùng  
1.600.000 đồng

Giá trị tăng thêm:  
200.000 đồng

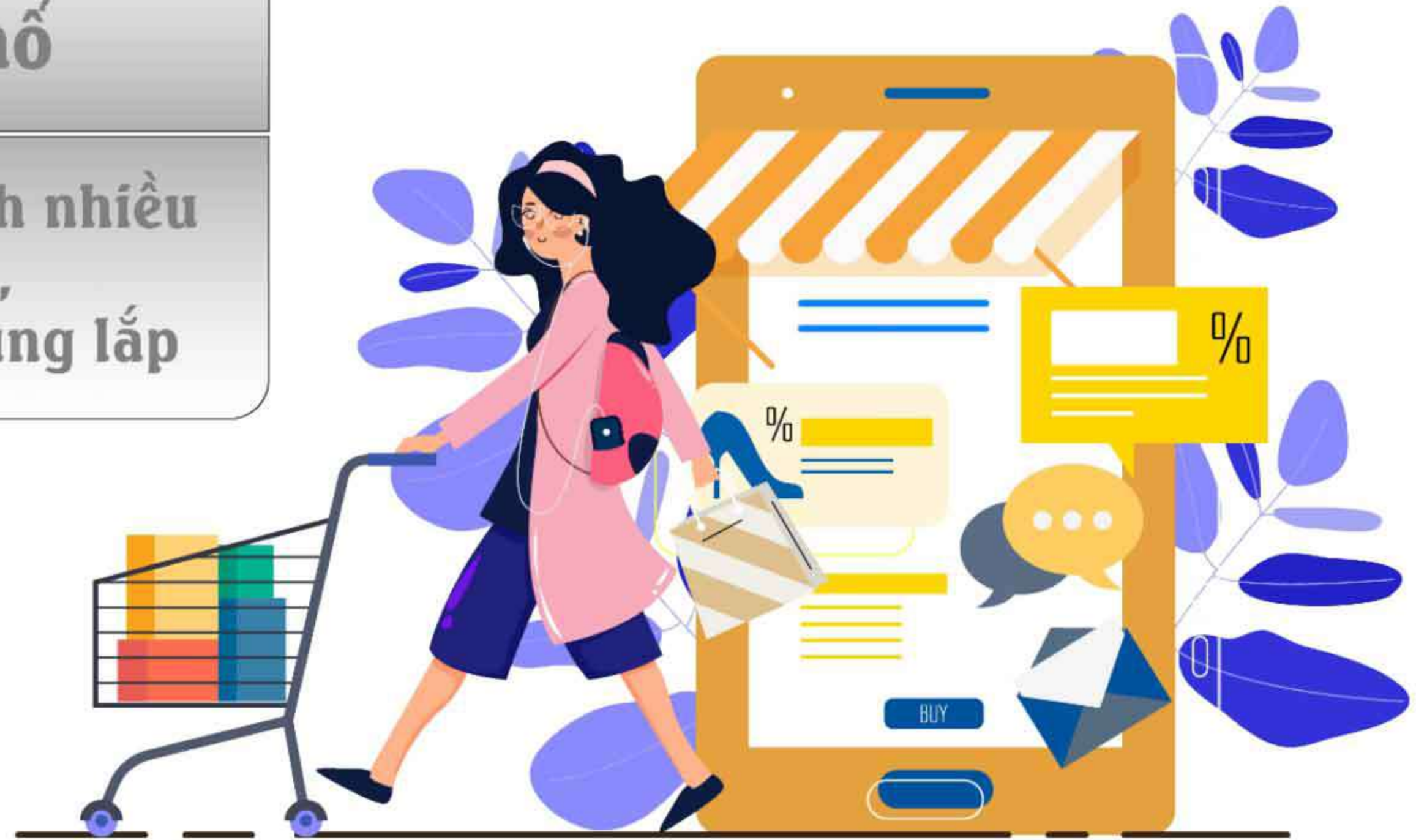
Giá trị tăng thêm:  
400.000 đồng

**Đặc điểm thuế giá trị gia tăng**



# Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

<b>Thuế gián thu</b>	<b>Mang tính lãnh thổ</b>
Đối tượng chịu thuế rất rộng	Thuế đánh nhiều giai đoạn, không trùng lắp



## Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

Thuế gián thu	<b>Mang tính lãnh thổ</b>
Đối tượng chịu thuế rất rộng	Thuế đánh nhiều giai đoạn, không trùng lặp



**Được hoàn thuế VAT  
nếu xuất khẩu ra nước ngoài**



# Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

Thuế gián thu	Mang tính lãnh thổ
Đối tượng chịu thuế rất rộng	Thuế đánh nhiều giai đoạn, không trùng lắp

**Giai đoạn 0: 1.000.000 đồng**

**Giai đoạn 1: 200.000 đồng**

**Giai đoạn 2: 400.000 đồng**



**Quá trình sản xuất  
1.000.000 đồng**



**Lưu thông  
1.200.000 đồng**



**Tiêu dùng  
1.600.000 đồng**



# Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

Thuế gián thu	Mang tính lãnh thổ
Đối tượng chịu thuế rất rộng	Thuế đánh nhiều giai đoạn, không trùng lặp

0%

5%

10%



# Vai trò của thuế giá trị gia tăng



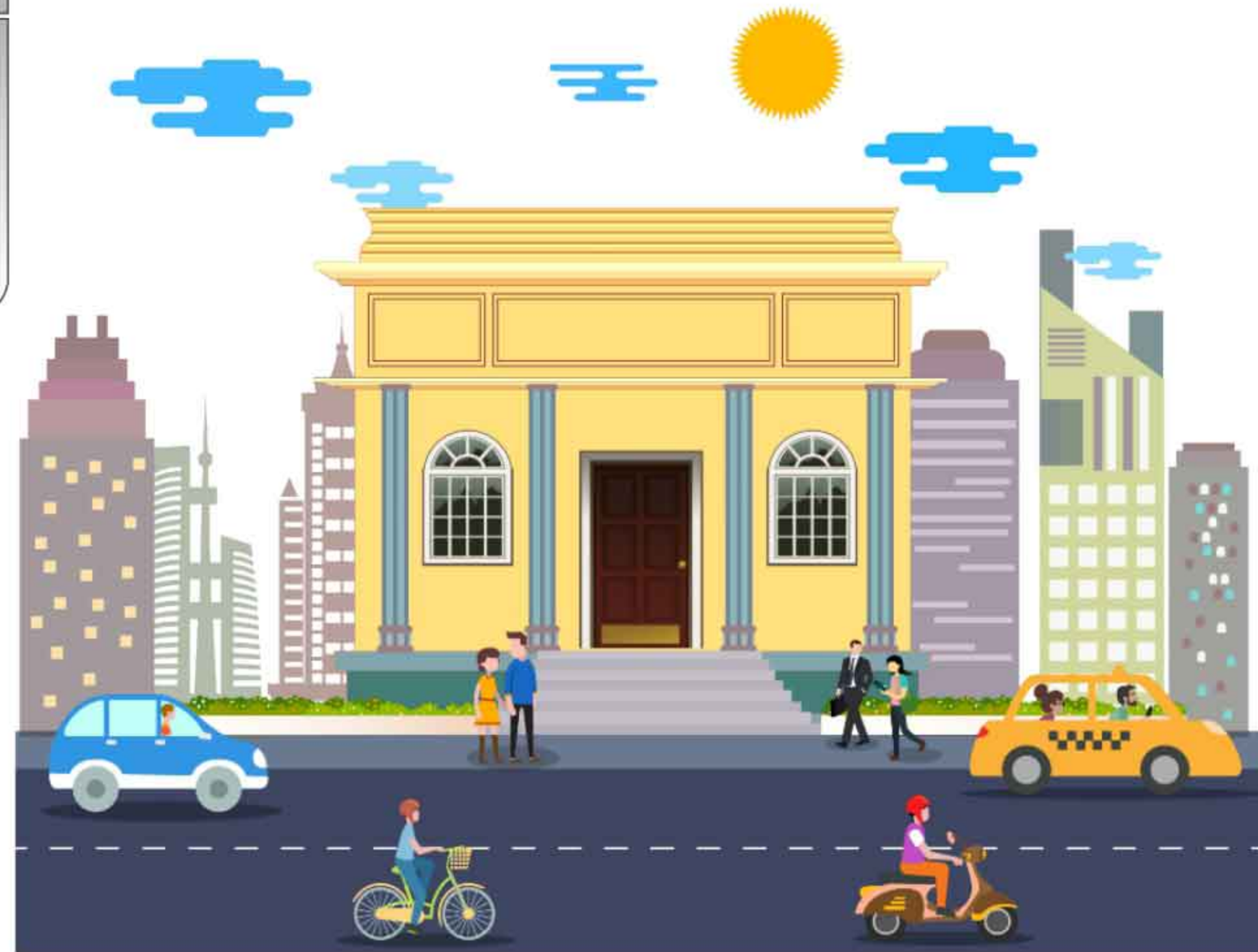
# Vai trò của thuế giá trị gia tăng

**Là khoản thu quan trọng của ngân sách nhà nước**

Có tác dụng điều tiết thu nhập

Thúc đẩy hạch toán, kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa





# Vai trò của thuế giá trị gia tăng

Là khoản thu quan trọng của ngân sách nhà nước

**Có tác dụng điều tiết thu nhập**

Thúc đẩy hạch toán, kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ

Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa



## Vai trò của thuế giá trị gia tăng

Là khoản thu quan trọng của ngân sách nhà nước	Có tác dụng điều tiết thu nhập
Thúc đẩy hạch toán, kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ	<b>Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa</b>

0% - 5% = - 5%





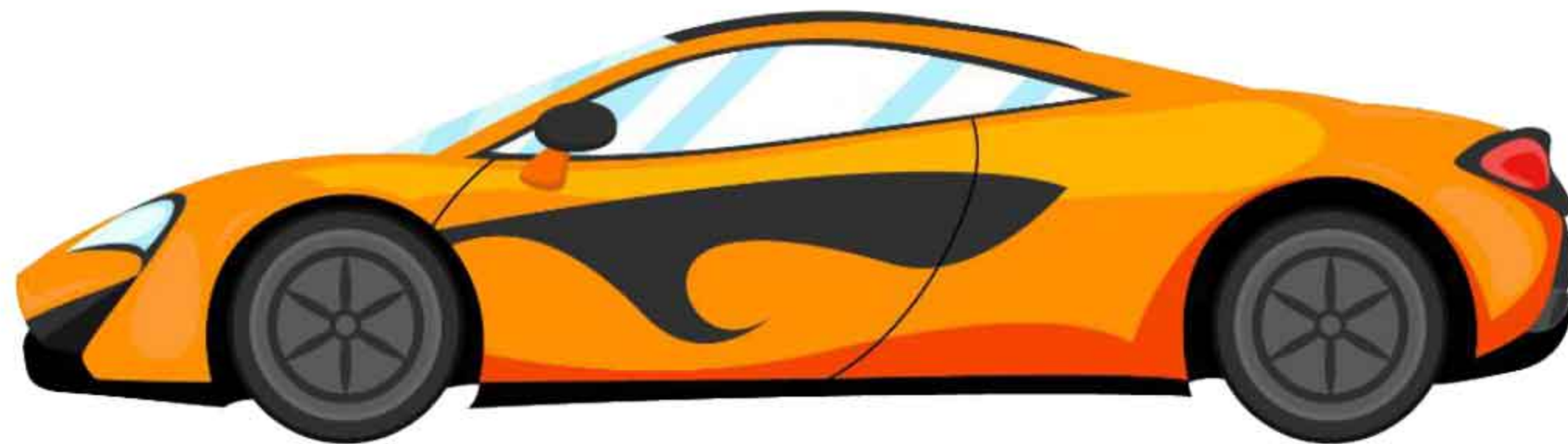




# **Đối tượng chịu thuế & người nộp thuế**

## Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng **ở VN**  
(bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài)  
trừ các đối tượng không chịu thuế theo quy định hiện hành.





# Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng



**Tổ chức, cá nhân**



**Kinh doanh hàng hóa,  
dịch vụ trong nước**



**Nhập khẩu hàng hóa  
chịu thuế VAT**



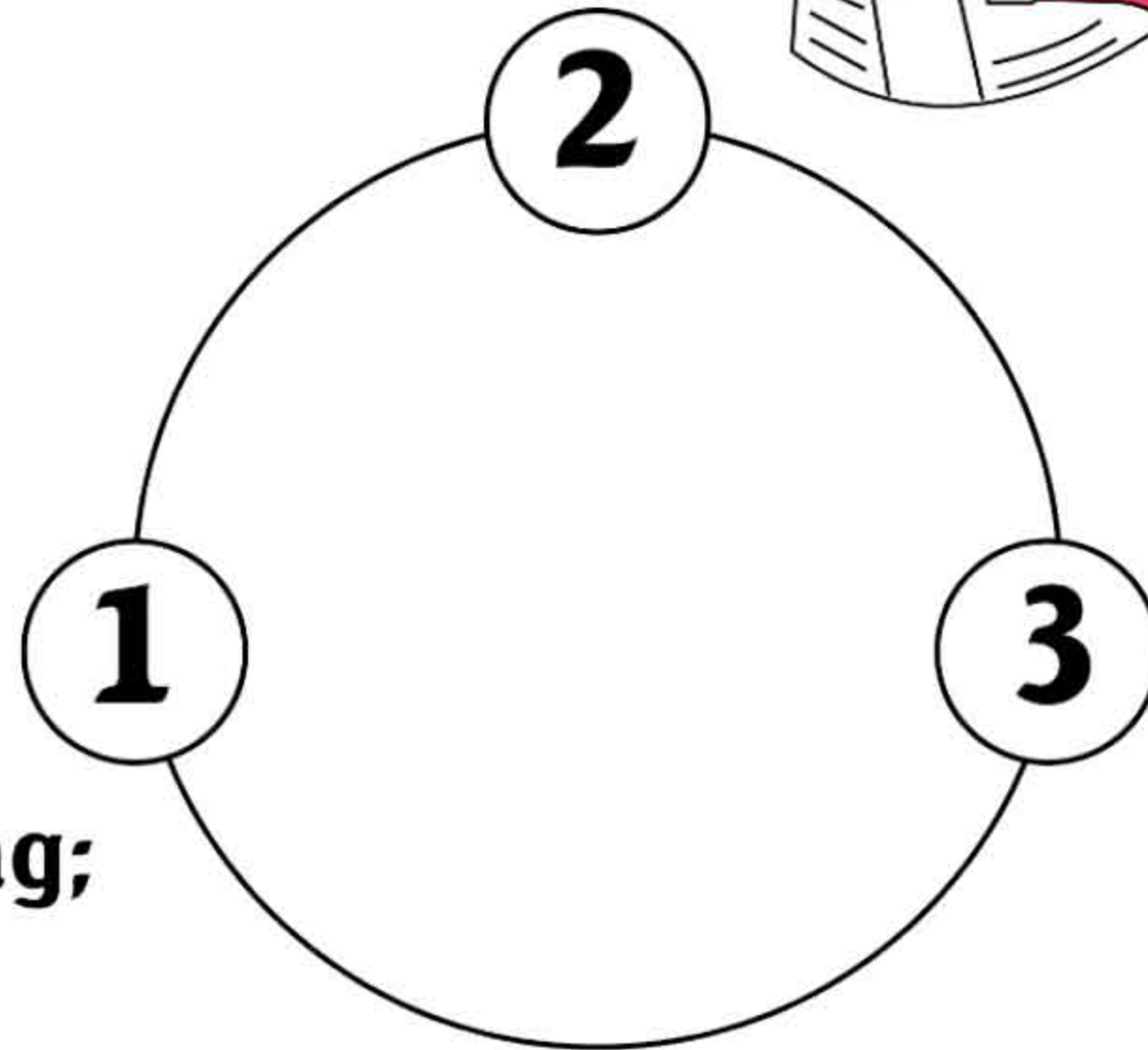
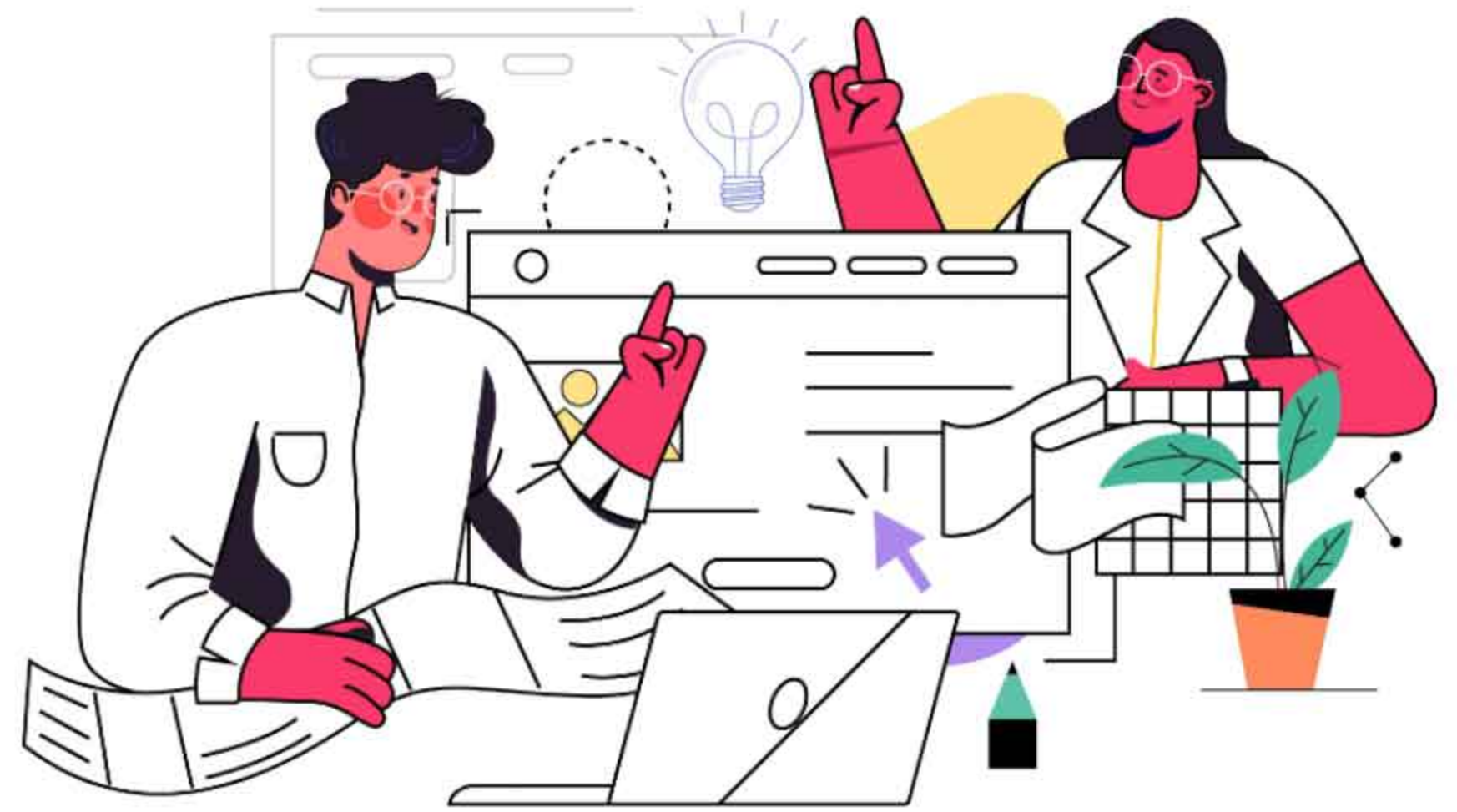
**Đối tượng không chịu thuế**

# Lý do thiết kế hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế



**Thể hiện chính sách ưu đãi của nhà nước đối với người tiêu dùng;**

**Giảm bớt chi phí quản lý thuế**



**Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế VAT sẽ không được khấu trừ & hoàn thuế VAT đầu vào**



# Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế VAT



① Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi



② Giống vật nuôi, giống cây trồng



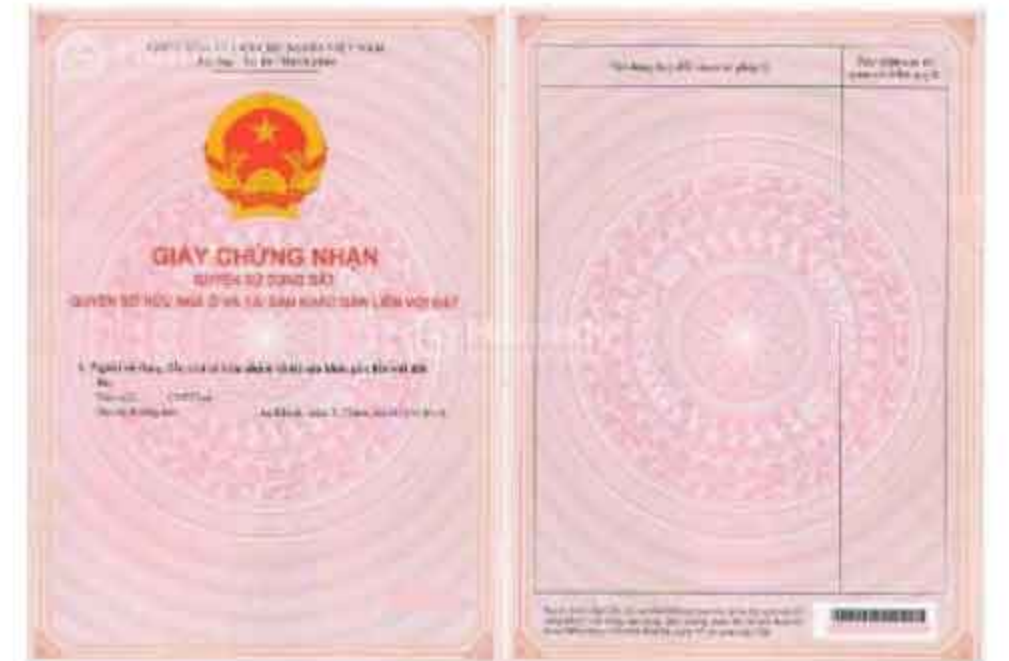
③ TƯỚI, TIÊU NƯỚC CÀY, BỪA ĐẤT



④ Muối sản xuất từ nước biển



⑤ Nhà ở thuộc sở hữu NN bán



⑥ Chuyển nhượng QSD đất



## Nâng hóa, dịch vụ không chịu thuế VAT



7 Bảo hiểm NT,  
vật nuôi, cây trồng



8 Tin dụng, ch. khoản  
chuyển nhượng vốn



9 Dịch vụ y tế,  
khám chữa bệnh



10 Bưu chính, viễn thông  
Internet



11 Xây dựng công trình  
văn hóa, nghệ thuật



12 Dạy học, dạy nghề



## Nâng hóa, dịch vụ không chịu thuế VAT



13 Phát thanh, truyền hình (vốn NSNN)



14 Xuất bản, phát hành báo chí



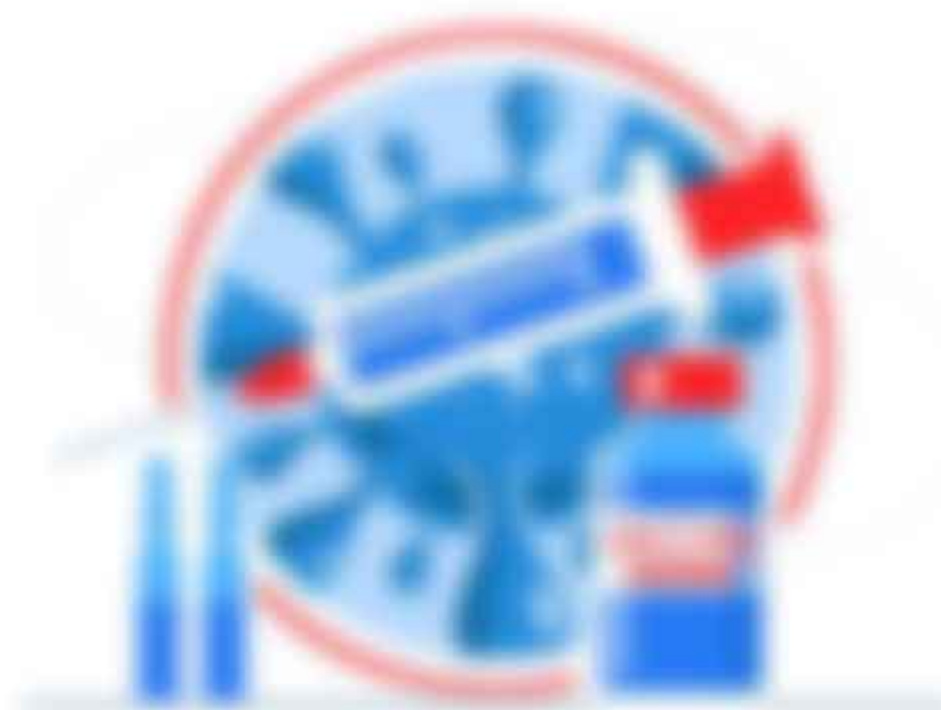
15 Vận chuyển hành khách công cộng



16 Máy móc, thiết bị trong nước chưa SX được



17 Vũ khí, khí tài an ninh, quốc phòng



18 Viện trợ nhân đạo

## Năng hóa, dịch vụ không chịu thuế VAT



19 Năng hóa chuyển  
khẩu, quá cảnh



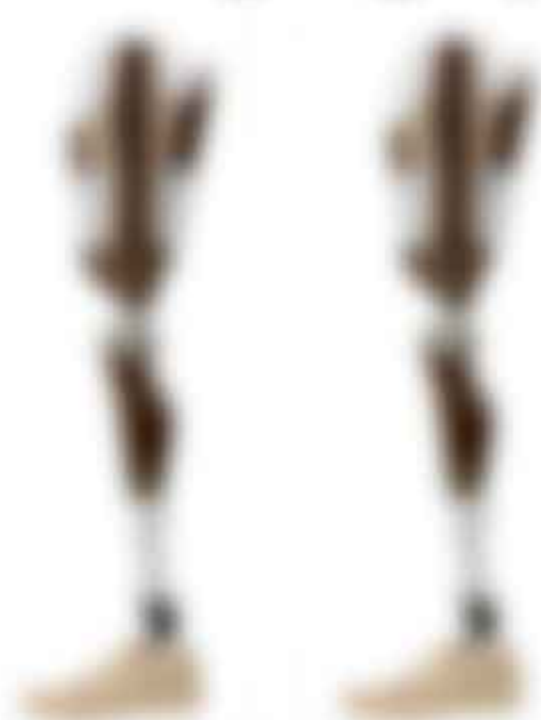
20 Chuyển giao  
công nghệ



21 Vàng NK dạng  
thỏi, miếng



22 Tài nguyên, khoáng  
sản xuất khẩu



23 SP nhân tạo thay  
thế bộ phận người



24 HKD có thu nhập  
< 1 tỷ/năm



**Giá tính thuế giá trị gia tăng**

## Giá tính thuế giá trị gia tăng - nguyên tắc



Giá chưa thuế:  
**1.000.000 đồng**

Thuế VAT 10%  
**100.000 đồng**

---

Giá bán:  
**1.100.000 đồng**

Giá tính thuế GTGT là  
giá chưa có thuế GTGT

### PHIẾU TÍNH TIỀN

Thực bán: **500.000 đồng**

Thực công: **100.000 đồng**

**Tiền tip: 60.000 đồng**

---

Tổng tiền: **660.000 đồng**

Thuế VAT 10%  
**66.000 đồng**

---

Tổng cộng: **726.000 đồng**

Bao gồm cả khoản phụ  
thu mà CSKD được hưởng



Giá tính thuế được xác  
định bằng đồng Việt Nam



## Giá tính thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra

Giá bán chưa có thuế GTGT

Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Giá bán đã có thuế TTDSB nhưng chưa có VAT

Hàng hóa nhập khẩu

Giá nhập tại cửa khẩu + Thuế nhập khẩu + Thuế TTDSB + Thuế BVMT

Hàng hóa tiêu dùng nội bộ: biếu, tặng

Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương

## **Ví dụ 1: Thuế GTGT hàng nhập khẩu**

**Công ty A nhập khẩu 100 chiếc điều hòa Daikin công suất 12.000 BTU của Thái Lan. Giá nhập khẩu tại cửa khẩu nhập đầu tiên là 220 USD/chiếc.**

**Thuế nhập khẩu là 10%.**

**Thuế TTDB là 10%.**

**Thuế GTGT là 10%. Tỷ giá 1 USD = 20.000 VND.**

**Xác định thuế giá trị gia tăng mà công ty nộp cho sở hàng nhập khẩu trên?**

**Hướng dẫn làm bài:**

**DAIKIN**



**Trị giá tính thuế hải quan:**

$$\begin{aligned} & 100 \text{ chiếc} \times 220 \text{ USD/chiếc} \times 20.000 \text{ VND} = \\ & = 440.000.000 \text{ VND} \end{aligned}$$



## Ví dụ 1: Thuế GTGT hàng nhập khẩu

 DAIKIN



Trị giá tính thuế hải quan:

$$\begin{aligned} & 100 \text{ chiếc} \times 220 \text{ USD/chiếc} \times 20.000 \text{ VND} = \\ & = 440.000.000 \text{ VND} \end{aligned}$$

Thuế nhập khẩu 10%:

$$440.000.000 \text{ VND} \times 10\% = 44.000.000 \text{ VND}$$

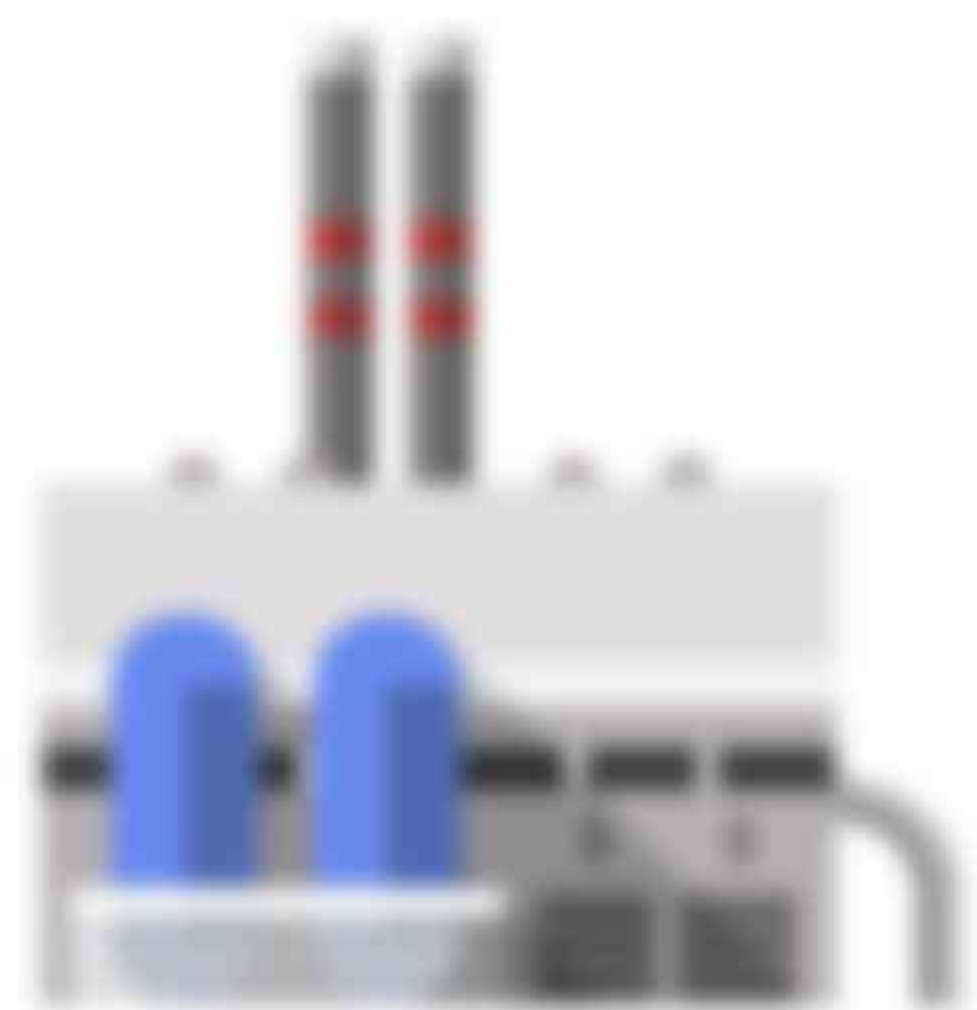
Thuế tiêu thụ đặc biệt 10%:

$$(440.000.000 \text{ VND} + 44.000.000 \text{ VND}) \times 10\% = 48.400.000 \text{ VND}$$

Thuế giá trị gia tăng 10%:

$$\begin{aligned} & (440.000.000 \text{ VND} + 44.000.000 \text{ VND} + 48.400.000 \text{ VND}) \times 10\% = \\ & = 53.240.000 \text{ VND} \end{aligned}$$

## Ví dụ 2: Thuế GTGT mặt hàng rượu



Công ty rượu Vodka



Xuất bán 2.000 lít

Xuất 100 lít rượu phục vụ hội nghị công nhân viên chức

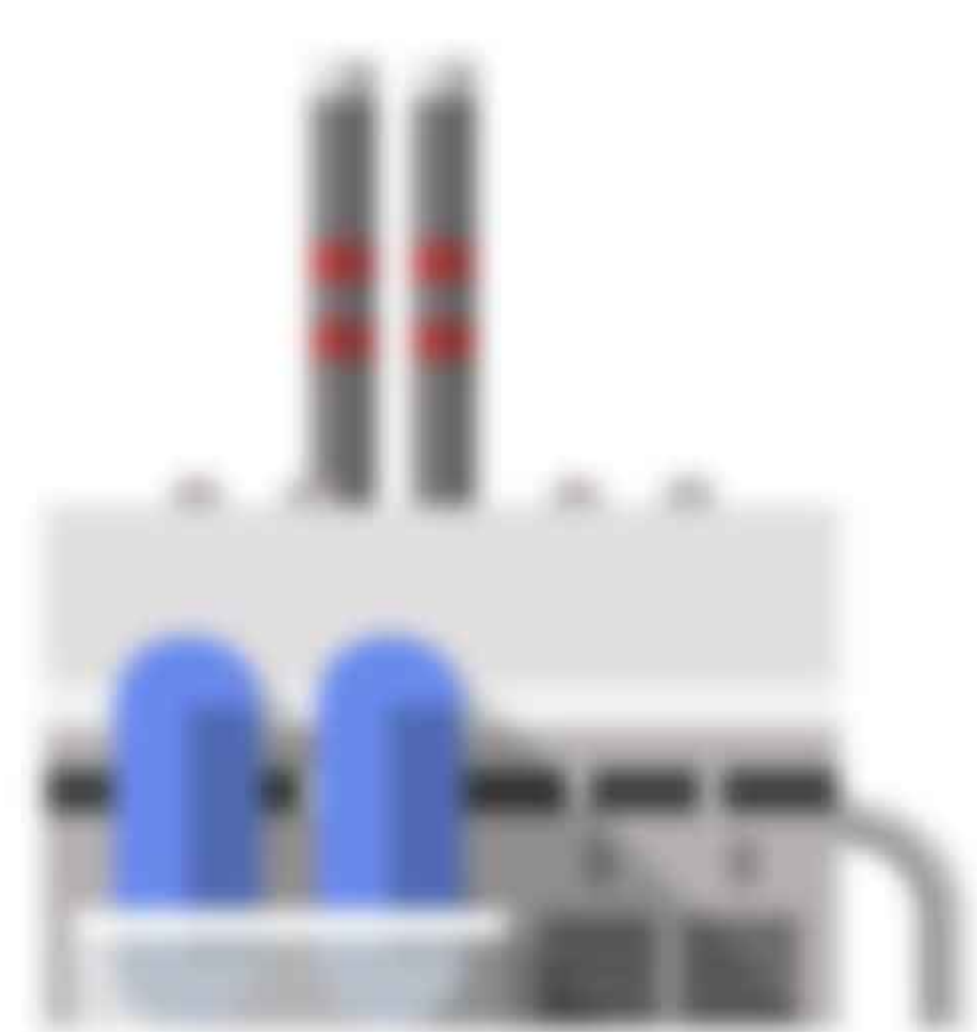
Xuất 500 lít để sản xuất rượu mạnh

Giá bán chưa thuế GTGT: 50.000 đồng/lít

**Xác định thuế GTGT? Thuế suất 10%**



## Ví dụ 2: Thuế GTGT mặt hàng rượu



Công ty rượu Vodka



Xuất bán 2.000 lít ✓

Xuất 100 lít rượu phục vụ hội nghị công nhân viên chức ✓

Xuất 500 lít để sản xuất rượu mạnh ✗

Giá bán chưa thuế GTGT: 50.000 đồng/lít

**Xác định thuế GTGT? Thuế suất 10%**

$$[(2.000 \text{ lít} + 100 \text{ lít}) \times 50.000 \text{ đồng/lít}] \times 10\% = 10.500.000 \text{ đồng}$$

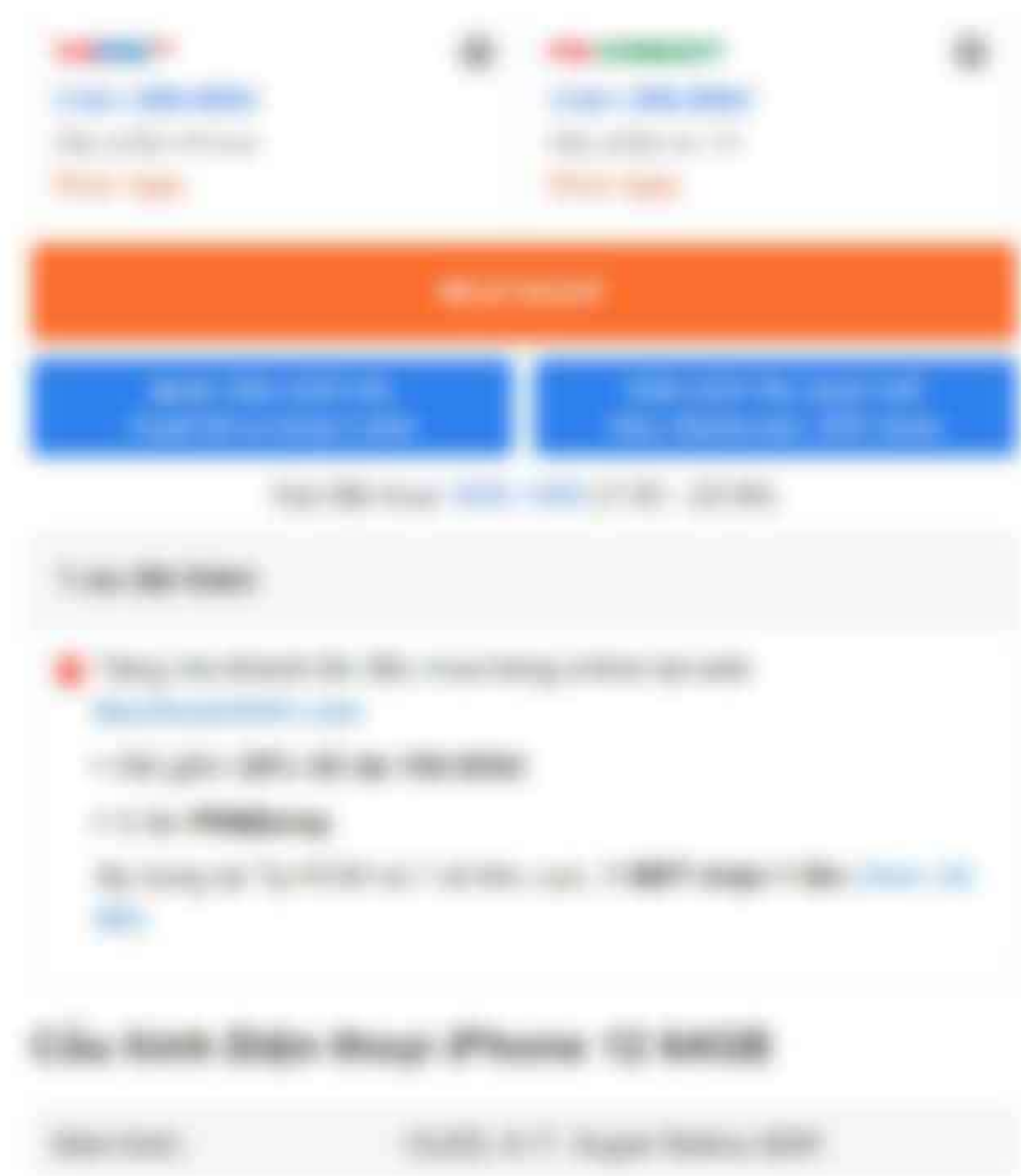
# Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

**Nâng hóa bán trả góp, trả chậm**



**Giá bán trả 1 lần, chưa có thuế GTGT**

Thông tin gồm 101 trả góp, trả chậm





## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

**Đội với giá công  
hàng hóa**



**Giá gia công, chưa có  
thuế GTGT**



## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

Đòi với hoạt động  
xây dựng, lắp đặt



Giá trị công trình  
chưa có thuế GTGT





## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

**Đối với hoạt động  
cho thuê tài sản**



**Số tiền cho thuê,  
chưa có thuế GTGT**



### Ví dụ 3: Giá tính thuế GTGT



Công ty Gia Nhân bán xe máy:

Trả ngay: 55.000.000 đồng  
(đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Trả góp:

Thanh toán: 30.000.000 đồng

Trả góp 12 tháng, mỗi tháng 2,4 triệu đồng

**Này tính giá tính thuế GTGT đối với xe máy theo phương thức trả góp?**

Phương thức bán  
trả góp, trả chậm



Giá bán trả 1 lần,  
chưa có thuế GTGT

=

$\frac{\text{Giá bán 1 lần có thuế}}{1 + \text{Thuế GTGT 10\%}}$

=  $\frac{55.000.000 \text{ đồng}}{1 + 10\%}$

= 50.000.000 đồng



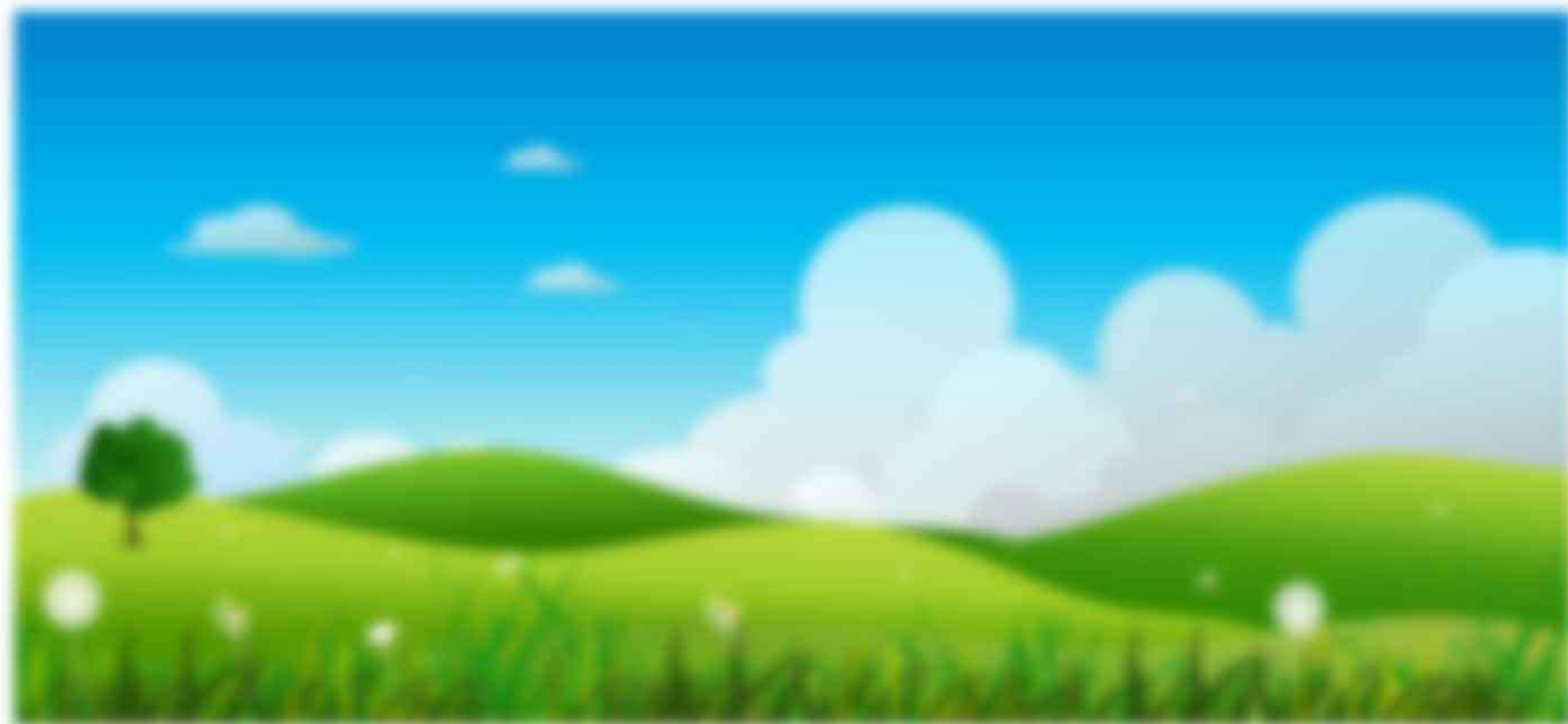
## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

**Kinh doanh  
bất động sản**



**Giá bán bất động sản  
chưa có thuế GTGT**

Giá tính thuế chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuế đất phải nộp riêng sách.



## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

Hoạt động đại lý, môi giới mua bán dịch vụ hưởng hoa hồng



Tiền hoa hồng thu được chưa có thuế GTGT





## Giá tính thuế giá trị gia tăng (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT



Giá chưa thuế GTGT

=

Giá thanh toán

1 + thuế GTGT %



Giá bán (đã bao gồm thuế GTGT)

**26.400.000 đồng**

Giá chưa thuế GTGT

=

Giá thanh toán

1 + thuế GTGT %

=

26.400.000 đồng

1 + 10%

=

**24.000.000**

**đồng**

## Ví dụ 4: Giá tính thuế GTGT đối với vé số



Trong tháng 12/X bán được 55.000 vé,  
giá vé là 10.000 đồng/vé

Hoa hồng đại lý là 1.000 đồng/vé

Hãy tính giá tính thuế GTGT đối với 55.000  
vé số và giá tính thuế GTGT hoa hồng đại lý?

Giá hàng bán, dịch vụ đã  
bao gồm thuế GTGT

Giá chưa  
thuế GTGT

Giá thanh toán

$$55.000 \times 10.000$$

100.000.000 đ

1 + thuế GTGT %

1 + 10%

Thuật động đại lý, mỗi suất mua bán  
dịch vụ hưởng hoa hồng

Giá hàng bán, dịch vụ đã  
bao gồm thuế GTGT

Giá thanh toán

1 + thuế GTGT %

$$55.000 \times 1.000$$

50.000.000 đồng

1 + 10%



**Thuế suất thuế giá trị gia tăng**

## Thuế suất thuế giá trị gia tăng

0%

Hàng hóa  
được vận  
chuyển khẩu





Thuế suất thuế giá trị gia tăng

## 15 nhóm mặt hàng thiết yếu



1 Nước sạch



2 Phân bón,  
thuốc trừ sâu



3 Thực phẩm gia súc



4 Đào đắp, nạo vét  
kênh mương

5%

Hàng hóa  
dịch vụ  
thiết yếu

0%

Hàng hóa  
dịch vụ  
nhất thiết

Thuế suất thuế giá trị gia tăng

## 15 nhóm mặt hàng thiết yếu



5 SP trồng trọt,  
chăn nuôi



6 Mủ cao su,  
nhựa thông



7 Thực phẩm tươi sống  
lâm sản, trừ gỗ



8 Đường ăn

5%

Hàng hóa  
dịch vụ  
thiết yếu

0%

Hàng hóa  
dịch vụ  
mặt khác



Thuế suất thuế giá trị gia tăng

## 15 nhóm mặt hàng thiết yếu



- 9 SP đay, cói, tre, nứa, lá, rơm



- 10 Máy móc trong  
Lĩnh vực nông nghiệp



- 11 Thiết bị, dụng cụ  
y tế



- 12 Dụng cụ giảng dạy,  
học tập

5%

Hàng hóa  
dịch vụ  
thiết yếu

0%

Hàng hóa  
dịch vụ  
mặt khác

Thuế suất thuế giá trị gia tăng

## 15 nhóm mặt hàng thiết yếu

5%

Hàng hóa  
dịch vụ  
thiết yếu



13 Triển lãm, thể dục  
thể thao, SX phim



14 Đồ chơi trẻ em

0%

Hàng hóa  
dịch vụ  
mặt khác

15 Dịch vụ khoa học,  
công nghệ





## Thuế suất thuế giá trị gia tăng

### Các loại hàng hóa, dịch vụ còn lại

10%

Hàng hóa  
dịch vụ  
khác

5%

Hàng hóa  
dịch vụ  
thiết yếu

0%

Hàng hóa  
dịch vụ  
vượt trội



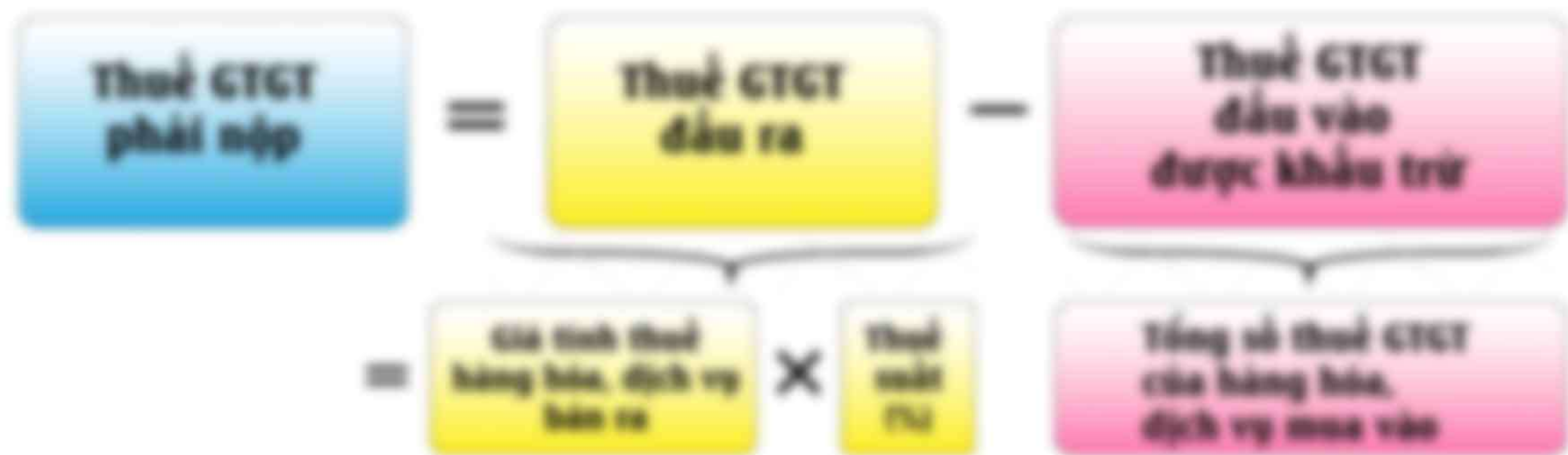
# **Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng**



# Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

Phương pháp khấu trừ

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT



Cơ sở KD phải sử dụng hóa đơn GTGT khi bán hàng hóa, dịch vụ  
Hóa đơn GTGT phải ghi đầy đủ thông tin

Chứng từ hóa đơn GTGT đầu vào  
Chứng từ nộp thuế GTGT khâu NK  
Chứng từ hợp pháp phản ánh số thuế GTGT đầu vào

## Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Hàng hóa, dịch vụ mua vào được sử dụng cho hoạt động SX kinh doanh **chịu thuế GTGT**



Được khấu trừ toàn bộ

Hàng hóa, dịch vụ mua vào được sử dụng cho hoạt động SX kinh doanh

**chịu thuế GTGT**

**KHÔNG**  
**chịu thuế GTGT**

Hạch toán riêng

Chỉ được khấu trừ cho SX, KD hàng hóa chịu thuế GTGT

**KHÔNG**  
hạch toán riêng

Khấu trừ theo tỷ lệ % giữa doanh số chịu thuế GTGT so với tổng doanh số bán ra



## Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Hàng hóa, dịch vụ mua vào được sử dụng cho hoạt động SX kinh doanh **chịu thuế GTGT**



**Được khấu trừ toàn bộ**

Hàng hóa, dịch vụ mua vào được sử dụng cho hoạt động SX kinh doanh

**chịu thuế GTGT**

**KHÔNG chịu thuế GTGT**

**Hạch toán riêng**

Chỉ được khấu trừ cho SX, KD hàng hóa chịu thuế GTGT

**KHÔNG hạch toán riêng**

Khấu trừ theo tỷ lệ % giữa doanh số chịu thuế GTGT so với tổng doanh số bán ra

## **Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (tiếp theo)**

**Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó.**

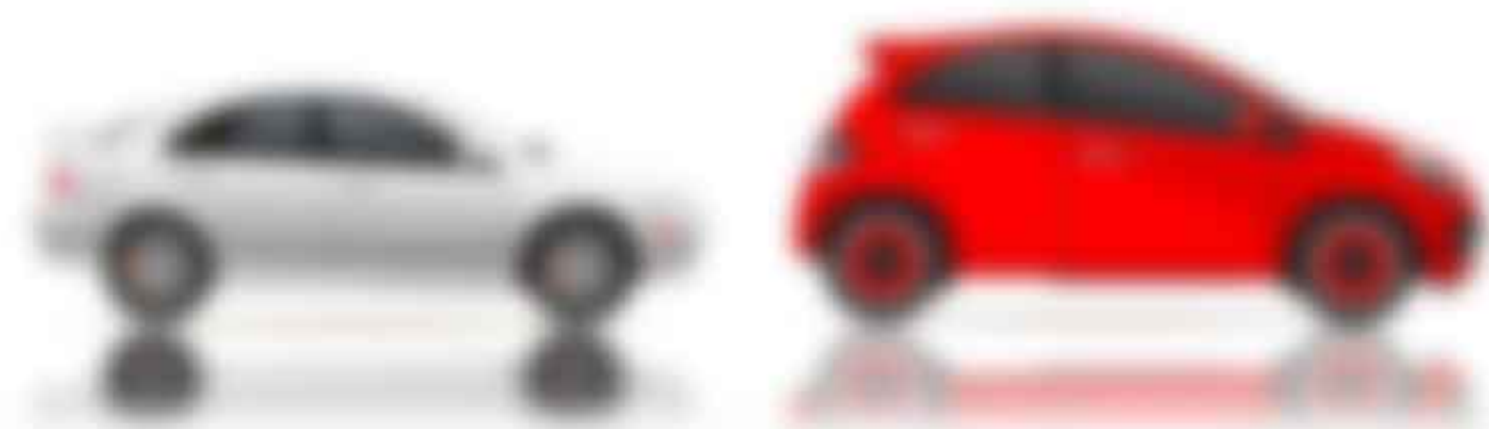
**DN được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.**

**Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo được khấu trừ toàn bộ;**

**Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ.**



## Một số trường hợp đặc biệt sau không được khấu trừ:



Ô tô là ô tô chở người  
từ 9 chỗ ngồi trở xuống

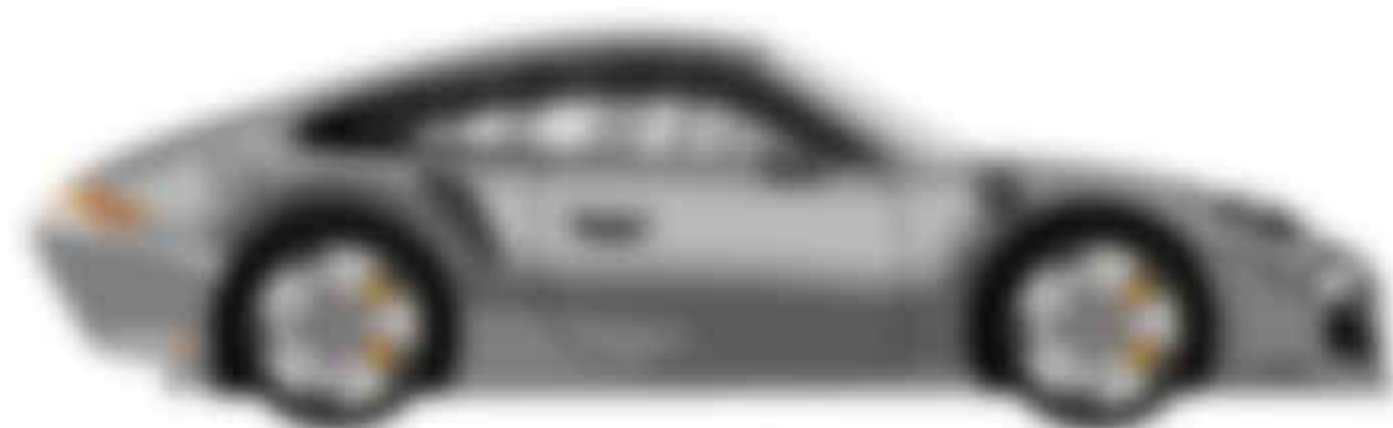
Vận chuyển  
hàng hóa



Vận chuyển  
hành khách



KD du lịch  
khách sạn



Ô tô < 9 chỗ trị giá  
> 1,6 tỷ đồng

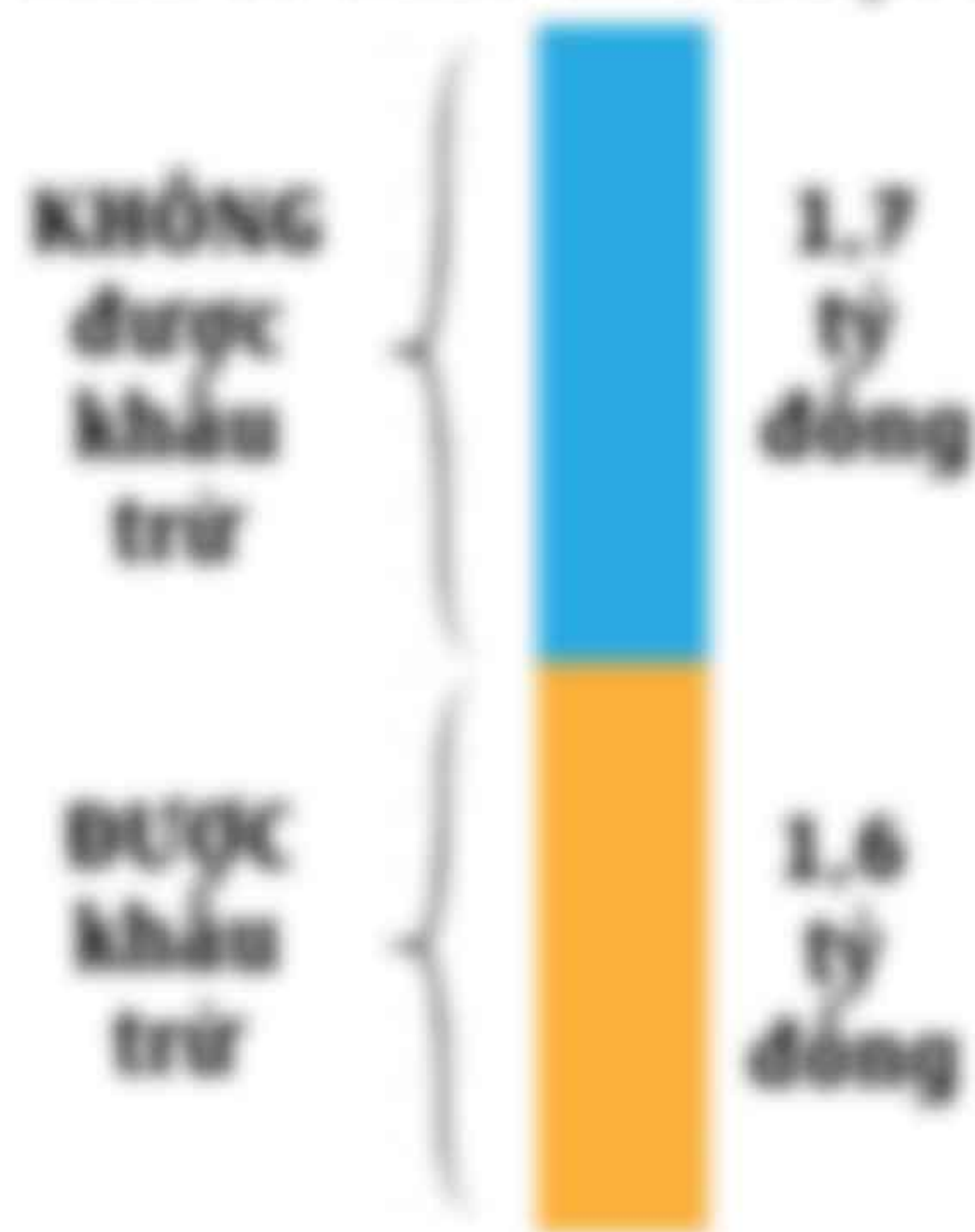
Sở thuế giá trị gia tăng đưa vào  
tương ứng với phần giá trị vượt  
1,6 tỷ không được khấu trừ

## **Ví dụ: thuế GTGT không được khấu trừ**

**Công ty A tháng 9/20, có tài liệu sau:**

**Mua ô tô hiệu Lexus ES 350 giá 3,3 tỷ đồng tạo tài sản cố định phục vụ hoạt động quản lý của công ty.**

**Tính số thuế VAT được khấu trừ đầu vào của công ty?**



**Số thuế GTGT được khấu trừ:**

**$1.600.000 \text{ đồng} \times 10\% = 160.000.000 \text{ đồng}$**

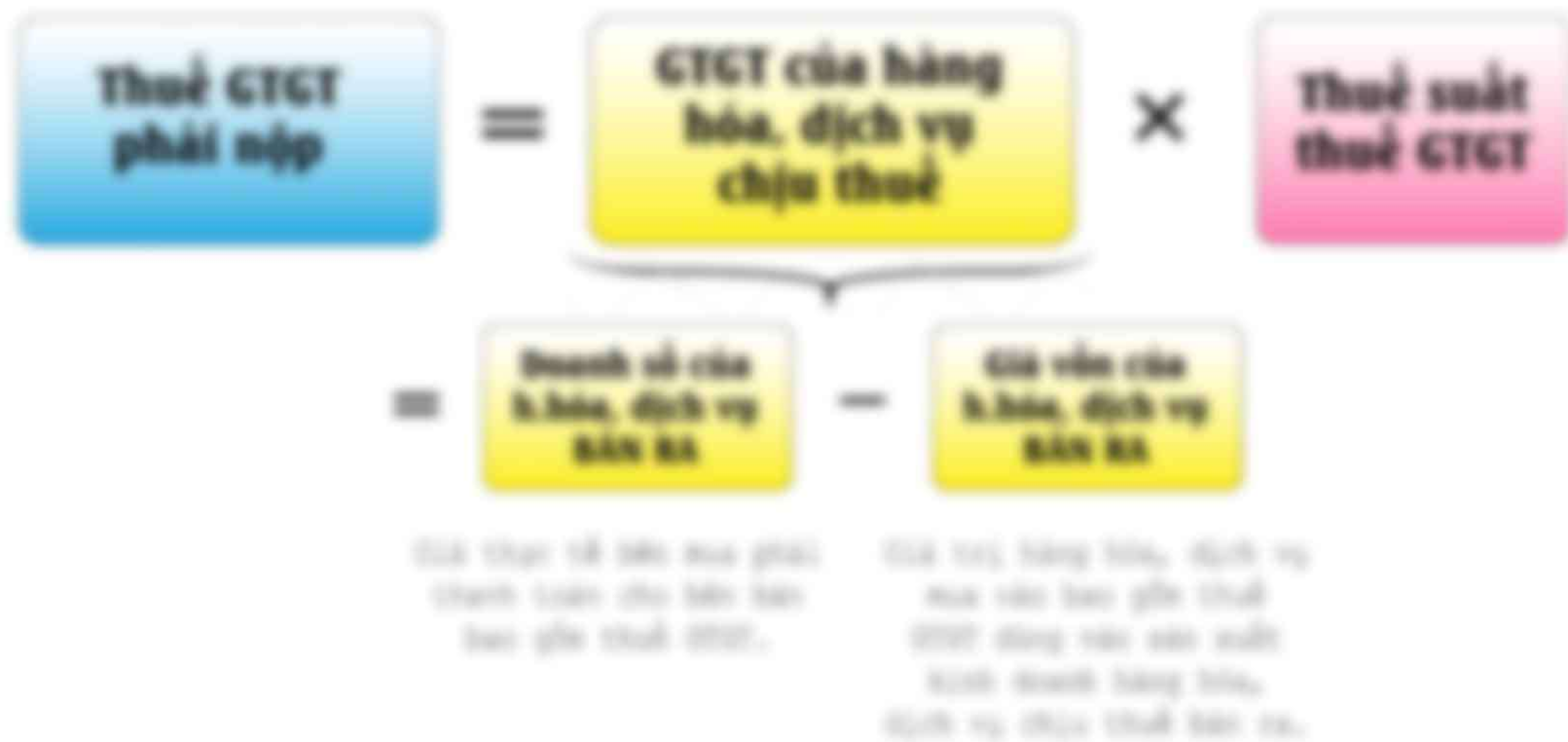


**Phương pháp tính trực tiếp trên  
giá trị gia tăng**

# Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

Phương pháp khấu trừ

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT





## Đối tượng áp dụng



1 DN, HTX có doanh thu < 1 tỷ/năm



2 DN, HTX mới thành lập



3 Hộ, cá nhân kinh doanh

You Tube Google

4 Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam



5 Tổ chức, cá nhân mua bán vàng bạc, đá quý

**Xác định tỷ lệ GTGT đối với  
cơ sở kinh doanh**



## Cách xác định giá trị gia tăng đối với từng cơ sở kinh doanh



Cơ sở kinh doanh có sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ

Xác định GTGT căn cứ vào hóa đơn mua, bán hàng



CSKD có chứng từ bán hàng nhưng không có chứng từ mua hàng

**GTGT**

=

**Doanh thu**

×

**Tỷ lệ % GTGT trên doanh thu**



CSKD chưa thực hiện đầy đủ hóa đơn mua, bán hàng

**GTGT**

=

**Doanh thu  
án định**

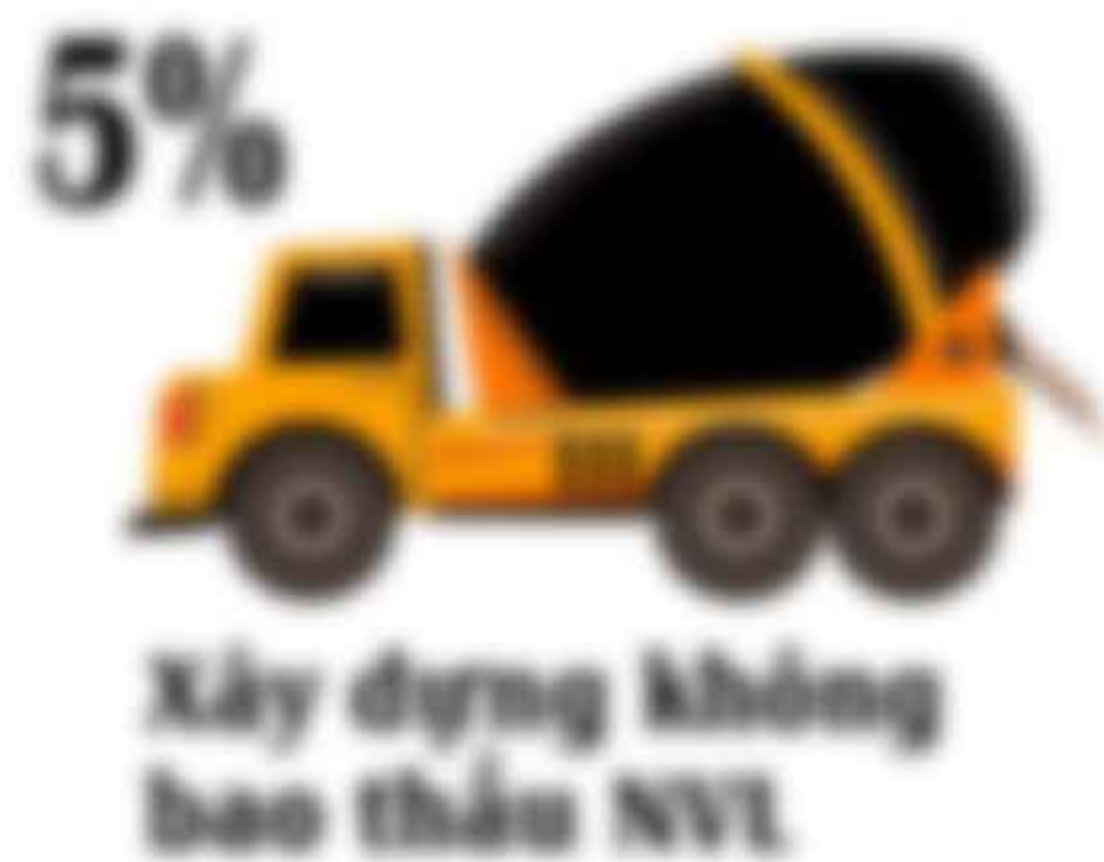
×

**Tỷ lệ % GTGT trên doanh thu**

**Tỷ lệ % GTGT trên doanh thu**



Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu



**Kê khai, nộp thuế**

## Kê khai, nộp thuế GTGT



### **Đăng ký thuế**

CÔNG NHÂN phải đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế quản lý tại địa phương theo mẫu quy định.



### **Kê khai thuế**

CÔNG NHÂN lập tờ khai thuế GTGT tăng tháng, gửi gửi thuế theo quy định nộp tờ khai tháng quá ngày 20 của tháng tiếp theo và tháng quá ngày 20 của quý tiếp theo quý.



### **Nộp thuế**

Thuang phải nộp thuế theo tháng quá ngày 20 của tháng tiếp theo tháng quá ngày 20 của quý tiếp theo quý.  
Thuang phải nộp thuế theo tháng báo của cơ quan thuế.



**Hoàn thuế giá trị gia tăng**

## **Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng**

- 1** DN có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý;

## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

- 1** DN có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 100 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý:

Thuế GTGT đầu vào



100 triệu đồng

(Giá mua 1,10 tỷ đồng)



Thuế GTGT đầu ra



100 triệu đồng

(Giá bán 1 tỷ đồng)

Thuế GTGT đầu ra — Thuế GTGT đầu vào = 100 triệu đồng — 100 triệu đồng = - 200 triệu đồng

**KHÔNG** được hoàn thuế GTGT



## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

- 1** DN có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 100 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý:

Thuế GTGT đầu vào



400 triệu đồng

Giá mua 4 tỷ đồng



Thuế GTGT đầu ra



100 triệu đồng

Giá bán 1 tỷ đồng

Thuế GTGT đầu ra — Thuế GTGT đầu vào = 100 triệu đồng — 400 triệu đồng = -300 triệu đồng

**ĐƯỢC** được hoàn thuế GTGT 300 triệu đồng

## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

- 2** DN có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư cơ sở thuế GTGT mua vào từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT

### Thuế GTGT đầu vào

Nhà máy:

200 triệu đồng

Thuế mua 2 tỷ đồng

Nhà máy, thiết bị:

300 triệu đồng

Thuế mua 2 tỷ đồng

---

500 triệu đồng



### Thuế GTGT đầu ra

0 đồng

Còn dự án chưa phát sinh doanh thu

Thuế GTGT đầu ra — Thuế GTGT đầu vào — 0 đồng — 500 triệu đồng — -500 triệu đồng

**NIỆM** được hoàn thuế GTGT 500 triệu đồng

## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

- 3** DN chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi DN, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết;





## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

4

Người nước ngoài được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại VN mang theo khi xuất cảnh;



5

Tổ chức VN sử dụng tiền viện trợ để mua hàng tại VN có hóa đơn giá trị gia tăng;



## Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

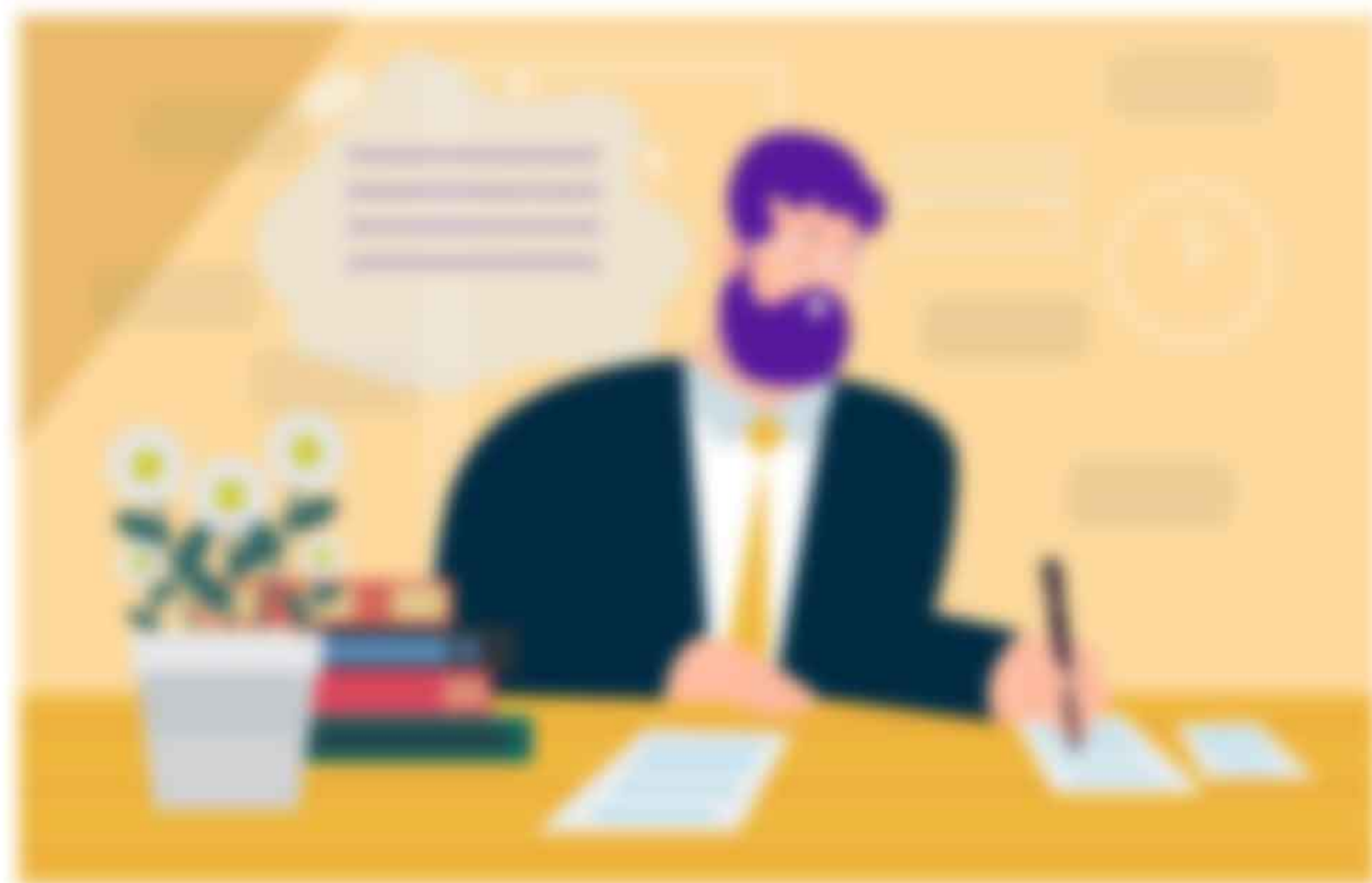
6

Người được hưởng ưu đãi, miễn trừ ngoại giao mua hàng tại VN có hóa đơn GTGT;



7

Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế GTGT của cơ quan có thẩm quyền;



**Cảm ơn!**